TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÓC MÔN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:1291/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 15-9-2022
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Quỳnh Mai Trinh

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm

2/ Bà Nguyễn Thị Kim Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Nguyệt Nga – Thư ký tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xét xử sơ thẩm công Kai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 571/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2022 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 571/2022/QĐXXST-DS ngày 29/7/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 196/2022/QĐST-HNGĐ ngày 18/8/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1985 (có mặt)

Địa chỉ: 12/98/58A Tổ 17, Ấp 5, xã ĐT, huyện HM, Tp.HCM

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Địa chỉ: 12/98/58A Tổ 17, Ấp 5, xã ĐT, huyện HM, Tp.HCM

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn Kởi kiện, bản tự khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản công tiến hành hòa giải được và tại phiên toà nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày:

Bà H và ông Nguyễn Văn K tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn ngày 05/5/2010 tại Ủy ban nhân dân xã Nam Cường, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Thời gian đầu kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến tháng 6/2016, giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, hay tranh cãi và xúc phạm nhau, vợ chồng chung sống không hòa hợp. Đến năm 2009, vợ chồng bà sống ly thân được ba tháng thì ông K hứa sửa đổi, năn nỉ bà quay về sống chung; nhưng sau đó vợ chồng vẫn sống không hòa hợp. Ông bà ly thân từ đầu năm 2019 cho đến bây giờ. Nay bà H nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và mỗi người đều có cuộc sống riêng nên bà H yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn K.

Về con chung: Bà H và ông K có 02 con chung tên Nguyễn Thị Mai P, sinh ngày 24/3/2011 và Nguyễn Trần Linh C, sinh ngày 22/7/2017. Vì trẻ Nguyễn Thị Mai P có nguyện vọng được sống chung với ông K nên bà tôn trọng ý kiến con, yêu cầu ông K trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Mai P. Bà không cấp dưỡng nuôi con. Thực tế, từ cuối tháng 7/2022, Mai P đã sống chung cùng ông K. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Linh C và không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Bị đơn ông Nguyễn Văn K vắng mặt, Không cung cấp lời khai, không đưa ra ý kiến, yêu cầu.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ, hòa giải và thời hạn gửi hồ sơ đến Viện kiểm sát, tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử áp dụng, tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng, những người tham gia tố tụng chấp hành đúng và đầy đủ quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp ly hôn và tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án, bị đơn cư trú tại huyện Hóc Môn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh theo qui định tại Koản 1 Điều 28; điểm a, Koản 1 Điều 35; điểm a Koản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Toà án đã triệu tập, tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do. Vì vậy, Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị H và ông Nguyễn Văn K chung sống với nhau có đăng ký kết hôn. Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 23, Quyển số 01.2010 do Ủy ban nhân dân xã Nam Cường, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An cấp ngày 05/5/2010 thì đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông K là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của bà H: Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ông K không cung cấp lời khai, không giao nộp chứng cứ, không đưa ra ý kiến, yêu cầu nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bà H để làm cơ sở giải quyết vụ án. Theo như lời khai của bà H thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ tháng 6/2016 do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả, bà H và ông K sống ly thân từ đầu năm 2019 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng ít liên hệ với nhau, mỗi người đều sống cuộc sống riêng của mình. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập và thông báo về phiên hòa giải nhưng ông K vẫn không đến Tòa án tham gia hòa giải, tham gia phiên tòa, chứng tỏ ông K không có thiện chí hàn gắn tình

cảm, đoàn tụ với bà H. Hiện nay, bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông K. Từ đó, Hội đồng xét xử nhận định hôn nhân của bà H và ông K đang ở trong tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 19, Điều 51, Koản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xét thấy yêu cầu ly hôn của bà H cũng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Bà H và ông K có 02 con chung tên Nguyễn Thị Mai P, sinh ngày 24/3/2011 và Nguyễn Trần Linh C, sinh ngày 22/7/2017. Bà H yêu cầu ông K trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Mai P và không cấp dưỡng nuôi trẻ Mai P. Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Linh C và không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi trẻ Linh C. Hội đồng xét xử nhận định:cháu Linh C hiện đang sống với bà H; cháu Mai P hiện đang sống chung với ông K, yêu cầu của bà H phù hợp với nguyện vọng của cháu Mai P cũng như phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được chấp nhận.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H không cấp dưỡng nuôi con và cũng không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con. Ông K không có ý kiến, yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử quyết định tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con cho bà H, ông K cho đến khi có yêu cầu.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H tự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng, bà H phải chịu, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ điểm a Koản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Danh mục án phí, lệ phí tòa án được ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Trần Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Văn K.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thị Mai P, sinh ngày 24/3/2011 cho ông K trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung tên Nguyễn Trần Linh C, sinh ngày 22/7/2017 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của bà H, ông K cho đến khi có yêu cầu.

Khi cần thiết, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự tự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Bà H phải nộp 300.000đồng án phí sơ thẩm và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng mà bà H đã nộp theo biên lai số AA/2021/0039356 ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- Các đương sự;
- VKSND H.Hóc Môn;
- Chi cục THADS H.Hóc Môn;
- UBND xã Nam Cường, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An;
- Lưu: hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Quỳnh Mai Trinh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

Phạm Quỳnh Mai Trinh